Phụ lục I
CÁC NGUỒN Ô NHIỄM
(Kèm theo Báo cáo số 17 /BC-UBND ngày 09/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Bảng 1. Danh mục các đô thị
(Tiêu chí phân loại theo quy định hiện hành)

STT	Tên đô thị	Địa chỉ	Mật độ dân số *(người/km^2)*	Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh *(m^3/ngày đêm)*	Hệ thống xử lý nướcthải tập trung*(Số lượng: m^3 /ngàyđêm)*	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung (%)	Tỷ lệ nước thải sinhhoạt được xử lý tại chỗ theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường (%)	Kết quả quan trắc
(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5)**	**(6)**	**(7)**	**(8)**	**(9)**
III	**Đô thị loại II**							
1	Thành phố Lạng Sơn	TP Lạng Sơn	1.371	11.959,5	3215	26,9	26,9	
V	**Đô thị loại IV**							
1	Thị trấn Đồng Đăng	H Cao Lộc	2.124,62	1.415,22		0	0	
VI	**Đô thị loại V**							
1	Thị trấn Cao Lộc	H Cao Lộc	3.496	2.240,71		0	0	
2	Thị trấn Đồng Mỏ	H Chi Lăng	375	891,32		0	0	
3	Thị trấn Chi Lăng	H Chi Lăng	514	119,21		0	0	

STT	Tên đô thị	Địa chỉ	Mật độ dân số *(người/km²)*	Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh *(m³/ngày đêm)*	Hệ thống xử lý nướcthải tập trung*(Số lượng: m³ /ngàyđêm)*	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung (%)	Tỷ lệ nước thải sinhhoạt được xử lý tại chỗ theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường (%)	Kết quả quan trắc
4	Thị trấn Hữu Lũng	H Hữu Lũng	1.630	1.632,21		0	0	
5	Thị trấn Na Sầm	H Văn Lãng	469,42	668,046		0	0	
6	Thị trấn Thất Khê	H Tràng Định	6.103	813,78		0	0	
7	Thị trấn Văn Quan	H Văn Quan	343	582,67		0	0	
8	Thị trấn Bình Gia	H Bình Gia	260	433,44		0	0	
9	Thị trấn Bắc Sơn	H Bắc Sơn	690	569,96		0	0	
10	Thị trấn Lộc Bình	H Lộc Bình	667,87	837,98		0	0	
11	Thị trấn Na Dương	H Lộc Bình	782	669,77		0	0	
12	Thị trấn Đình Lập	H Đình Lập	753	476,217		0	0	
13	TT. Nông trường Thái Bình	H Đình Lập	632	35,77		0	0	

Bảng 2. Danh mục các khu kinh tế trên địa bàn

TT	Tên khu kinh tế (năm thành lập)	Địa chỉ	Diện tích đã đầu tư/ Tổng diện tích (ha)	Tình trạng hoạt động (đang xây dựng/đang hoạt động)	Các cơ sở đang hoạt động trong KKT	Cơ sở đang hoạt động	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Hệ thống thu gom nước mưa (có/không)	Xử lý nước thải			Xử lý khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	Tỷ lệ cây xanh
									Tổng lượng nước thải phát sinh (thực tế) (m^3/ngđ)	Công suất thiết kế của HTXLNT (m^3/ngđ)	Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục ghi rõ thông số	Lượng khí thải phát sinh(m^3/giờ)	Hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
	KHU KINH TẾ CỬA KHẨU ĐỒNG ĐĂNG LẠNG SƠN (Thành lập năm 2008)		58,7 / 143,7	Đang xây dựng	Khu Trung chuyển hàng hóa	1	40,8	có									Không có	
			0/ 73,63	Chưa xây dựng	Khu chế xuất 1	1	0	chưa xây dựng									Không có	
			21,2 / 205,7	Đang xây dựng	Khu Phi thuế quan giai đoạn 1	2	10,4	có									Không có	

Bảng 3. Danh mục các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung (viết tắt là KCN) không thuộc khu kinh tế

TT	Tên KCN đang hoạt động	Địa chỉ	Diện tích đã đầu tư/ Tổng diện tích (ha)	Tên chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng	Số lượng cơ sở đang hoạt động trong KCN	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Hệ thống thu gom nước mưa (có/không)	Xử lý nước thải			Tổng lượng CTR phát sinh			Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	Tỷ lệ cây xanh
								Tổng lượng nước thải phát sinh (thực tế) (m^3/ngđ)	Công suất thiết kế của HTXLNT (m^3/ngđ)	Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số	Sinh hoạt (tấn/ năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG BÀNH	Thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng	32,59 / 162,13	Đường giao thông giai đoạn 1, 2 do BQL KKTCK và UBND huyện Chi Lăng đầu tư	3	29,4	có								
2	KHU CÔNG NGHIỆP VSIP LẠNG SƠN	Xã Hồ Sơ, xã Hòa Thắng, huyện Hữu Lũng	60,1 / 599,97	Công ty CP phát triển đô thị và KCN Việt Nam Singapore	1	10,0	chưa xây dựng								

Bảng 4. Danh mục các cụm công nghiệp (viết tắt là CCN)

TT	TênCCN đang hoạt động	Địachỉ	Diệntích(ha)	Tên chủđầu tư kinh doanh hạ tầng	Số lượngcơ sở đang hoạt động trongCCN	Tỷlệ lấp đầy (%)	Hệ thốngthu gom nước mưa (có/không)	Xử lý nước thải			Tổng lượng CTR phátsinh			Công trìnhphòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	Tỷ lệcây xanh
								Tổng lượngnước thải phát sinh (thực tế) (m^3/ngđ)	Công suấtthiết kế của HTXLNT (m^3/ngđ)	Hệ thốngquan trắc nước thải tự động, liên tục	Sinhhoạt (tấn/ năm)	Côngnghiệp thông thường (kg/năm)	Nguyhại (kg/năm)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	CCNđịa phương số 2	Xã Hợp Thành, thị trấn Cao Lộc	8,5	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Cao Lộc	12	100%	có	17	Chưa có	Chưa có	24	Các cơ sở tự xử lý	Các cơ sở tự xử lý	Chưa có	7,5
2	CCN Hợp Thành 1	Thị trấn Cao Lộc và xã Hợp Thành, huyện Cao Lộc	23,8	Công ty cổ phần Đầu tư Bác Nguyên Lạng Sơn	Chưa hoạt động										
3	Hợp Thành 2	Xã Hợp Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	25,47	Công ty cổ phần Đầu tư Bác Nguyên Lạng Sơn	Chưa hoạt động										
4	CCN Bắc Sơn 2	Thôn Hồng Vi, xã Chiến Thắng, huyện Bắc Sơn	25	Công ty cổ phần đầu tư TDG Global	Chưa hoạt động										
5	CCN Đình Lập	Xã Đình Lập, huyện Đình Lập	71,39	Công ty cổ phần Đầu tư Kinh doanh An Phú Hưng	Chưa hoạt động										
6	CCN Hồ Sơn 1	Xã Cai Kinh vàxã Hồ Sơn, huyện Hữu Lũng	73,76	Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Gia Định Miền Bắc	Chưa hoạt động										
7	CCN Hoà Sơn	Xã Hoà Sơn, huyện Hữu Lũng	74,9	Liên danh đầu tư gồm Công ty TNHH Đầu tư	Chưa hoạt										

TT	TênCCN đang hoạt động	Địachỉ	Diệntích(ha)	Tên chủđầu tư kinh doanh hạ tầng	Số lượngcơ sở đang hoạt động trongCCN	Tỷlệ lấp đầy (%)	Hệ thốngthu gom nước mưa (có/không)	Xử lý nước thải			Tổng lượng CTR phátsinh			Công trìnhphòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	Tỷ lệcây xanh
								Tổng lượngnước thải phát sinh (thực tế) (m^3/ngđ)	Công suấtthiết kế của HTXLNT (m^3/ngđ)	Hệ thốngquan trắc nước thải tự động, liên tục	Sinhhoạt (tấn/ năm)	Côngnghiệp thông thường (kg/năm)	Nguyhại (kg/năm)		
	1			xây dựng Tân Đại Namvà Công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp và Phát triển hạ tầng	động										
8	CCN Na Dương 1, huyện Lộc Bình	Xã Đông Quan, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	20	Công ty Cổ phần HT Việt Trung và Công ty Cổ phần thép Việt Úc	Chưa hoạt động										
9	CCN Na Dương 2, huyện Lộc Bình	Xã Đông Quan, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	45,67	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Phú Gia, Bắc Ninh	Chưa hoạt động										
10	CCN Na Dương 3, huyện Lộc Bình	Xã Đông Quan, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	50	Nhà đầu tư là Liên danh (Công ty CP đầu tư quốc tế Tân Hà và Công ty CP phát triển bất động sản TNT)	Chưa hoạt động										

Bảng 6. Danh mục các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường

STT	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường	Tên cơ sở hoạt động	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Nước thải		Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (nếu có)
				Tổng lượng nước thảiphát sinh(m^3/ngàyđêm)	Hệ thống quantrắc tự động, (nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m^3/giờ)	Hệ thống quan trắc tự động (nếu có)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại(kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Loại 1	Xây dựng xưởng sản xuất hợp kim và hợp chất kim loại (Công ty TNHH công nghệ luyện kim Vicmet Việt Nam)	QĐ phê duyệt Báo cáo ĐTM số 128/QĐ-UBND, ngày 23/01/2017; Giấy phép môi trường số 41/GP-UBND ngày 29/6/2022 (Giai đoạn sản xuất hợp chất kim loại)	Tuần hoàn sử dụng		500m^3/giờ		960kg/năm	66.070kg/năm	654 kg/năm	
		Đầu tư xây dựng nhà máy điện phân chì công suất 10.000 tấn/năm (Công ty CP Kim loại màu Bắc Bộ)	QĐ phê duyệt Báo cáo ĐTM số 1697/QĐ-UBND, ngày 03/11/2013; Giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT số 673/GXN-STNMT, ngày 14/7/2016					12 tấn/năm		151,3kg/năm	
		Cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở thuộc da và sản xuất gelatin (Công ty cổ phần Thương mại sản xuất da Nguyên Hồng	Quyết định số 2039/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn	43.153m^3/năm				25kg/ngày		305kg/năm	

STT	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường	Tên cơ sở hoạt động	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Nước thải		Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (nếu có)
				Tổng lượng nước thảiphát sinh(m^3/ngàyđêm)	Hệ thống quantrắc tự động, (nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m^3/giờ)	Hệ thống quan trắc tự động (nếu có)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại(kg/năm)	
		Nhà máy thuộc da và sản xuất các sản phẩm từ da Nguyên Hồng (Công ty cổ phần Thương mại sản xuất da Nguyên Hồng)	QĐ phê duyệt Báo cáo ĐTM số 210/QĐ-UBND ngày 28/01/2022; Giấy phép môi trường số 30/GP-UBND ngày 03/6/2022	37.970m^3/năm				9,4 kg/ngày	5-15 tấn/tháng	195 kg/năm	
2	Loại 2	Đầu tư thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt sử dụng lò đốt bằng không khí tự nhiên SANKYO NFI-05 (120) SERIES 3 NEW 2013 (Công ty TNHH Xây dựng Thành Linh)	QĐ phê duyệt Báo cáo ĐTM số 276/QĐ-UBND, ngày 14/02/2015; Giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT số 256/GXN-STNMT, ngày 30/3/2016; Giấy phép môi trường số 48/GP-UBND ngày 31/10/2023	3 m^3/ngày đêm				đơn vị đã tiếp nhận, chuyển giao cho Công ty TNHH Huy Hoàng xử lý 7265,16 tấn rác thải rắn sinh hoạt trong năm 2023	0	0	
		Xây dựng khu xử lý rác thải công nghệ lò đốt T-Tech CNC - 1000, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn (Công ty TNHH MTV Áo Xanh)	QĐ phê duyệt Báo cáo ĐTM số 2131/QĐ-UBND, ngày 04/11/2019; Giấy phép môi trường số 55/GP-UBND ngày 30/9/2022								
		Hệ thống xử lý nước rỉ rác (giai đoạn 2) Bãi xử lý rác thải Tân Lang,	QĐ phê duyệt Báo cáo ĐTM số 608/QĐ-	89.819m^3/năm	Quan trắc tự động			đơn vị đã tiếp nhận,		13 kg	

STT	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường	Tên cơ sở hoạt động	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Nước thải		Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (nếu có)
				Tổng lượng nước thảiphát sinh(m^3/ngàyđêm)	Hệ thống quantrắc tự động, (nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m^3/giờ)	Hệ thống quan trắc tự động (nếu có)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại(kg/năm)	
		huyện Văn Lãng (Công ty TNHH Huy Hoàng)	UBND, ngày 21/4/2015; Giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT số 1211/GXN-STNMT ngày 16/8/2019		nước thải			xử lý 88.011,68 tấn rác thải sinh hoạt trong năm 2023			
		Mở rộng, nâng cấp bãi xử lý rác thải Tân Lang, huyện Văn Lãng (Công ty TNHH Huy Hoàng)	QĐ phê duyệt Báo cáo ĐTM số 2318/QĐ-UBND, ngày 28/11/2019								
		Xây dựng lò đốt xử lý chất thải rắn sinh hoạt quy mô liên xã trên địa bàn huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn (Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Tân Minh)	QĐ phê duyệt Báo cáo ĐTM số 2055/QĐ-UBND, ngày 09/10/2020; Giấy phép môi trường số 45/GP-UBND ngày 22/7/2022	1,5m^3/ngày đêm				0,1 tấn/năm	224.500 kg/năm	0	
		Bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Quyết định phê duyệt ĐTM Số 1001/QĐ-UBND, ngày 30/6/2005 của UBND tỉnh Lạng Sơn					Tiếp nhận xử lý 13.553,36 tấn rác thải sinh hoạt trong năm 2023			
		Xây dựng khu xử lý rác	Số 952/QĐ-UBND-KT, ngày 24/7/2006 của								

STT	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường	Tên cơ sở hoạt động	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Nước thải		Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (nếu có)
				Tổng lượng nước thảiphát sinh(m^3/ngàyđêm)	Hệ thống quantrắc tự động, (nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m^3/giờ)	Hệ thống quan trắc tự động (nếu có)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại(kg/năm)	
		thải huyện Bắc Sơn	UBND tỉnh Lạng Sơn								
		Nhà máy xi măng Đồng Bành, công suất 910.000 tấn/năm và trạm phát điện tận dụng nhiệt khí thải công ty cổ phần xi măng Đồng Bành công suất 3,0MW	QĐ phê duyệt Báo cáo ĐTM 144/QĐ-UBND ngày 14/01/2017 của UBND tỉnh Lạng Sơn; Giấy xác nhận số 42/GXN-STNMT ngày 31/01/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường	47.000m^3/năm			Quan trắc tự động khí thải	72,481 m^3/năm	245.936kg	7.680kg	
		Đầu tư xây dựng công trình chuyển đổi công nghệ lò quay nhà máy xi măng Hồng Phong Lạng Sơn công suất 350.000 tấn Clinker/năm (huyện Cao Lộc)	Số 1646/QĐ-UBND, ngày 31/8/2009 của UBND tỉnh Lạng Sơn	1m^3/ngày đêm		0	không	0,6 tấn/năm		120kg/năm	
3	**Loại 3**	Đầu tư xây dựng trại chăn nuôi lợn nái, lợn hậu bị giống siêu nạc và trồng cây ăn quả tại thôn Bản Dạ, xã Xuân Mai, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn (HTX chăn nuôi Lùng	QĐ phê duyệt Báo cáo ĐTM số 2430/QĐ-UBND, ngày 16/12/2017; Giấy phép môi trường số 61/GP-UBND ngày 25/11/2022	56m^3/ngày đêm			không	3650kg/năm	1095 kg/năm	17 kg/năm	

STT	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường	Tên cơ sở hoạt động	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Nước thải		Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (nếu có)
				Tổng lượng nước thảiphát sinh(m^3/ngàyđêm)	Hệ thống quantrắc tự động, (nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m^3/giờ)	Hệ thống quan trắc tự động (nếu có)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại(kg/năm)	
		Khoang)									
		Phát triển đàn lợn nái sinh sản trên địa bàn xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia (UBND huyện Bình Gia)	QĐ phê duyệt Báo cáo ĐTM số 1216/QĐ-UBND, ngày 28/6/2018								
		Đầu tư trang trại chăn nuôi lợn thịt mở rộng (Hộ chăn nuôi: Ông Vũ Viết Sơn)	QĐ phê duyệt Báo cáo ĐTM số 127/QĐ-UBND, ngày 18/01/2019								
		Trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm, xã Quảng Lạc, thành phố Lạng Sơn (Hợp tác xã sản xuất và dịch vụ nông nghiệp An Hồng)	QĐ phê duyệt Báo cáo ĐTM số 329/QĐ-UBND, ngày 25/02/2020; Giấy phép môi trường số 43/GP-UBND ngày 16/7/2022								
		Trang trại chăn nuôi lợn chất lượng cao (Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đại Quang)	QĐ phê duyệt Báo cáo ĐTM số 1025/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; Giấy phép môi trường số 03/GP-UBND ngày 13/01/2023	197,72m^3/ngày đêm				20kg/ngày	125kg/năm	890kg/năm	
		Trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm (Công	QĐ phê duyệt Báo cáo ĐTM số 665/QĐ-								

STT	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường	Tên cơ sở hoạt động	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Nước thải		Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (nếu có)
				Tổng lượng nước thảiphát sinh(m^3/ngàyđêm)	Hệ thống quantrắc tự động, (nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m^3/giờ)	Hệ thống quan trắc tự động (nếu có)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại(kg/năm)	
		ty Cổ phần chăn nuôi RUTECH)	UBND ngày 07/4/2022								
		Trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp kín lạnh (Hộ kinh doanh Triệu Văn Thân)	Giấy phép môi trường số 65/GP-UBND ngày 20/12/2022								
		Trại chăn nuôi, sinh sản và xuất khẩu Khỉ đuôi dài (Công ty TNHH MTV sinh vật kỹ thuật Thành Công)	QĐ phê duyệt Báo cáo ĐTM số 922/QĐ-UBND ngày 30/5/2022	13m^3/ngày				108kg	2.306,5kg/năm	35,5kg/năm	

Phụ lục II

QUẢN LÝ CHẤT THẢI VÀ PHẾ LIỆU

(Kèm theo Báo cáo số: 17/BC-UBND ngày 10/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Bảng 1. Các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt

TT	Tên	Địachỉ	Giấy phép môitrường (hoặc GXN hoàn thành công trình BVMT hoặc giấy tờ tương đương)	Công nghệ xửlý chính *(chôn lấp hợp vệ sinh/ không hợp vệ sinh, compost, đốt, công nghệ khác..)*	Công suất(tấn/ngày)/ Phạm vi tiếp nhận CTRSH	Tình trạnghoạt động (*Đang hoạt động/đã đóng cửa..)*	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Công ty TNHH MTV môi trường và dịch vụ thương mại Phúc Lộc	Số 83, Khu phố Trần Đăng Ninh, thị trấn Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn.	Đánh giá tác động môi trường	Chôn lấp hợp vệ sinh	Khoảng 20 tấn/ngày đêm	Đang hoạt động	Xử lý rác thải sinh hoạt tại thị trấn Bắc Sơn, Thị trấn Bình Gia và 8 xã nằm trên địa bàn huyện
2	Công ty TNHH Huy Hoàng	Số 425 đường Bà Triệu, P. Vĩnh Trại, TPLS	Đánh giá tác động môi trường; GXN hoàn thành công trình BVMT	Chôn lấp hợp vệ sinh	200m^3/ngày.đêm	Đang hoạt động	
3	Công ty CP thương mại dịch vụ Tân Minh	Phố Tân Long, thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan	Giấy phép môi trường	20% bằng hình thức chôn lấp hợp vệ sinh; 80% đốt bằng công nghệ lò đốt lò đốt T-Tech CNC-1000	7 tấn/ngày	Đang hoạt động.	
4	Công ty TNHH MTV Áo Xanh	Khu 8, TT Đình Lập, huyện Đình Lập	Giấy phép môi trường	Công nghệ lò đốt T-Tech CNC-1000 và chôn lấp (80% đốt; 20% chôn lấp)	24 tấn/ngày.	Đang hoạt động.	Xử lý chất thải thị trấn Đình Lập, thị trấn Nông trường Thái Bình, xã Đình Lập.
5	Công ty TNHH Thành Linh	Thôn Lạng Giai A, xã Nhân Lý, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn	Giấy phép môi trường	Đốt	500kg/ giờ	Hoạt động trong năm 2022	

6	Hợp tác xã Tiến Đạt	F3, Khu Nhà Thờ, Thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.	Đánh giá tác động môi trường	Chôn lấp hợp vệ sinh	26 m^3/ngày	Đang hoạt động	

Bảng 2. Các khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn

TT	Tên	Địa chỉ	Đơn vị vận hành	Công nghệ xử lýchính*(chôn lấp, compost, đốt, công nghệ khác..)*	Công suất xử lý đối với từng loại CTRSH, CTRCNTT, CTNH (tấn/ngày)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bãi xử lý rác thải Lân Tắng	Thôn Lân Tắng, xã Đồng Ý	Công ty TNHH MTV môi trường và dịch vụ thương mại Phúc Lộc	Chôn lấp hợp vệ sinh	Khoảng 20 tấn/ngày đêm	
2	Bãi chôn lấp rác thải Tân Lang	Huyện Văn Lãng	Công ty TNHH Huy Hoàng	Chôn lấp	200m^3/ngày.đêm	
3	Bãi rác huyện Văn Quan; lò đốt	Phố Tân Long, thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan	Công ty CP thương mại dịch vụ Tân Minh	20% bằng hình thức chôn lấp hợp vệ sinh 80% đốt bằng công nghệ lò đốt lò đốt T-Tech CNC-1000	7 tấn/ngày	
4	Lò đốt; bãi rác Đình Lập	Thông Bình Chương I, xã Đình Lập, huyện Đình Lập	Công ty TNHH MTV Áo Xanh	Công nghệ lò đốt T-Tech CNC-1000 (80% đốt) Chôn lấp (20%)	Công suất 24 tấn/ngày	
5	Lò đốt	Thôn Lạng Giai A, xã Nhân Lý, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn	Công ty TNHH Xây dựng Thành Linh	Xử lý đốt bằng lò đốt SANKYO NFI-05 (120)	500 kg/giờ	
6	Bãi rác Lộc Bình	Hợp tác xã Tiến Đạt	Thôn Bản Hoi xã Hữu Khánh, huyện Lộc Bình	Chôn lấp	26 m^3/ngày	

Bảng 3. Tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải trên địa bàn

Đơn vị tính: Tấn/ngày

Stt	Huyện/thành phố	KL phát sinh	KL CRTSH thu gom, vận chuyển	KL CTRSH xử lý	Tỷ lệ (%)	KL CTRSH đô thị phát sinh	KL CTRSH đô thị thu gom	KL CTRSH đô thị xử lý	Tỷ lệ (%)	KL CTRSH nông thôn phát sinh	KL CTRSH nông thôn thu gom	KL CTRSH nông thôn xử lý	Tỷ lệ (%)
1	Văn Lãng	39,6	25,72	25,72	64,9	7,01	7	7	99,8	32,59	18,72	18,72	57,4.
2	Lộc Bình	65,7	48,93	48,93	74,47	23,1	22,83	22,83	98,8	42,6	26,1	26,1	61,27
3	Văn Quan	30,86	22,9	22,9	74,21	5	4,9	4,9	98	25,86	18	18	69,61
4	Hữu Lũng	67,25	55,1	55,1	81,93	11,26	10,8659	10,8659	96,5	55,99	44,24	44,24	79
5	Bắc Sơn	13.62	12,34	12,34	90.6	5.27	5.16	5.16	98	8.35	7,18	7,18	86
6	Đình Lập	34,0	24,35	24,35	71,62	20	19,3	19,3	96,5	14,0	5,05	5,05	36,07
7	Chi Lăng	25,41	24,83	24,83	95,7	20,94	20,46	20,46	100	4,47	4,37	4,37	91,39
8	Cao Lộc	76,4	61,92	61,92	81,05	30,49	30,03	30,03	98,49	45,56	31,88	31,88	69,97
9	TP Lạng Sơn	110,37	110,37	110,37	100	110,37	110,37	110,37	100				
10	Bình Gia	24,47	12,37	12,37	50,55	6,67	6,67	6,67	100	17,8	5,7	5,7	32,0.
11	Tràng Định	41	37	37	90	11	11	11	100	30	26	26	86
	Tổng	**515,06**	**435,83**	**435,83**	**84,62**	**245,84**	**243,43**	**243,43**	**99,02**	**268,87**	**187,24**	**187,24**	**69,64**

Ghi chú:

- Đơn vị tính quy đổi đồng nhất là tấn/ngày.

- Tỷ lệ xử lý tính trên khối lượng xử lý chia cho khối lượng phát sinh

Phụ lục III

THỐNG KÊ TÌNH HÌNH PHÁT SINH, XỬ LÝ NƯỚC THẢI THẢI SINH HOẠTĐÔ THỊ TỪ LOẠI IV TRỞ LÊN TRÊN ĐỊA BÀN

(Kèm theo Báo cáo số: 17 /BC-UBND ngày 10 /01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

STT	Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại các đô thị từ loại IV trở lên (m^3/ngày đêm)			Tổng lượng nước thải sinhhoạt đô thị từ loại IV trở lên được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung(m^3/ngày đêm)			Tổng lượng nước thải sinh hoạtđô thị từ loại IV trở lên được xử lý tại công trình, thiết bị xử lý chất thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường		
	Tổng số	Đô thị loại II	Đô thị loại IV	Tổng số	Đô thị loại II	Đô thị loại IV	Tổng số	Đô thị loại II	Đô thị loại IV
Toàn tỉnh	148.865	147.450	1.415,22	3.155	3.155	0			
Thành phố Lạng Sơn		147.450			3.155				
Thị trấn Đồng Đăng			1.415,22			0			

Phụ lục IV
CÔNG TÁC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC
(Kèm theo Báo cáo số: 17/BC-UBND ngày 10 /01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Bảng 1. Danh mục số lượng và diện tích di sản thiên nhiên, khu bảo tồn, hành lang đa dạng sinh học, cơ sở bảo tồn

STT	Khu bảo tồn		Di sản thiên nhiên		Hành lang đa dạngsinh học		Cơ sở bảo tồn	
	Sốlượng	Diệntích (ha)	Số lượng	Diệntích (m^2)	Số lượng	Diệntích	Số lượng	Diệntích
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Toàn tỉnh	03	12.832,03	23	1.749.227,4				
TP Lạng Sơn			01	47.020				
			01	Chưa có số liệu về diện tích				
Huyện Bắc Sơn	01	936,75	01	7.525				
			02	Chưa có số liệu về diện tích				
Huyện Hữu Lũng	01	8.012,74	01	1.013.672,8				
			01	Chưa có số liệu về diện tích				
Huyện Chi Lăng			01	550.000				
			02	Chưa có số liệu về diện tích				
Huyện Lộc Bình	01	3.882,54	02	131.009,6				
			03	Chưa có số liệu về diện tích				
Huyện Cao Lộc			01	Chưa có số liệu về diện tích				
Huyện Bình Gia			02	Chưa có số liệu về diện tích				
Huyện Văn Quan			01	Chưa có số liệu về diện tích				
Huyện Tràng Định			03	Chưa có số liệu về diện tích				
Huyện Văn Lãng			01	Chưa có số liệu về diện tích				
Công viên địa chất Lạng Sơn			01	4.842,58 km2				

Bảng 2. Danh mục loài nguy cấp quý hiếm cần ưu tiên bảo vệ

TT	Tên loài	
Toàn tỉnh	Động vật	
	Tên Việt Nam	Tên khoa học
1	Cu li lớn	*Nycticebus bengalensis*
2	Cu li nhỏ	*Nycticebus pygmaeus*
3	Voọc đen má trắng	*Trachypithecus francoisi*
4	Gấu chó	*Helarctos malayanus*
5	Gấu ngựa	*Ursus thibetanus*
6	Rái cá thường	*Lutra lutra*
7	Rái cá vuốt bé	*Aonyx cinereus*
8	Cầy vằn bắc	*Chrotogale owstoni*
9	Cầy gấm	*Prionodon pardicolor*
10	Báo gấm	*Neofelis nebulosa*
11	Báo lửa (Beo lửa, Beo vàng)	*Catopuma temminckii*
12	Hươu xạ	*Moschus berezovskii*
13	Sơn dương	*Capricornis milneedwardsii*
14	Gà tiền mặt vàng	*Polyplectron bicalcaratum*
15	Rắn hổ chúa	*Ophiophagus hannah*
16	Rùa đầu to	*Platysternon megacephalum*
17	Rùa hộp ba vạch (Rùa vàng)	*Cuora cyclornata (Cuora trifasciata)*
18	Rùa hộp trán vàng miền bắc	*Cuora galbinifrons*
	Thực vật	
1	Hoàng đàn	*Cupressus tonkinensis*

Bảng 3. Danh mục các loài đặc hữu

TT	Tên loài
1	**Hươu Xạ** *(Moschus berezovski)*
2	**Hoàng đàn** *(Cupressus tonkinensis)*
3	**Cá Cóc Mẫu Sơn** - *Tylototrion vietnamensis* **(Cá Cóc sần Việt Nam)**

Bảng 4. Danh mục các loài bị đe dọa theo Sách đỏ Việt Nam và Danh lục đỏ của IUCN

STT	Tên loài	
Toàn tỉnh	Động vật	
	Tên Việt Nam	Tên khoa học
1	Ba Ba Gai	*Palea steindachneri*
2	Ba Ba Trơn	*Pelodiscus sinensis*
3	Báo Gấm	*Padofelis nebulosa*
4	Beo Lửa	*Catopuma temmincki*

5	Bói Cá Lớn	*Ceryle lugubris*
6	Cầy Gấm	*Prionodon pardicolor*
7	Cầy Giông	*Vivera zibetha*
8	Cầy Hương	*Viverricula indica*
9	Cầy Vằn Bắc	*Hemigalus owstoni*
10	Chàng Andéc Sơn	*Odorrana andersonii*
11	Chích Chòe Lửa	*Copsychus malabaricus*
12	Cóc Rừng	*Ingerophrynus galeatus*
13	Cú Lợn Lưng Nâu	*Tyto capaensis*
14	Cú Lợn Lưng Xám	*Tyto alba*
15	Culi Lớn	*Ny cticebus coucang*
16	Culi Nhỏ	*N.pygmaeus*
17	Diều Hoa Miến Điện	*Spilornis cheela*
18	Dơi Tai Sọ cao	*Myotis siligorensis*
19	Ếch Cây Kio	*Rhacophorus kio*
20	Ếch Gai	*Quasipaa spinosa*
21	Ếch Vạch	*Quasipaa delacouri*
22	Gà Lôi Trắng	*Lophura nycthemera*
23	Gà Tiền Mặt Vàng	*Polyplectron bincalcaratum*
24	Gấu Chó	*Ursus malayaus*
25	Gấu Ngựa	*Ursus thibetanus*
26	Hươu Xạ	*Moschus berezovski*
27	Khỉ Mặt đỏ	*M. aretoides*
28	Khỉ Mốc	*M. assamensis*
29	Khỉ Vàng	*Macaca mulatta*
30	Mèo Rừng	*Prionailurus bengalensis*
31	Niệc Mỏ Vằn	*Aceros undunatus*
32	Niệc Nâu	*Ptilolaemus tickelli*
33	Rái Cá Thường	*Lutra lutra*
34	Rái Cá Vuốt Bé	*Aonyx cinera*
35	Rắn Cặp Nong	*Bungarus fasciatus*
36	Rắn Hổ Mang	*Naja naja*
37	Rắn Hổ Mang Chúa	*Ophiophagus hannah*
38	Rắn Ráo	*Ptyas korros*
39	Rắn Ráo Trâu	*Ptyas mucosa*
40	Rắn Sọc Xanh	*Coelognathus prasinus*
41	Rồng Đất	*Physiganthus cocincinus*
42	Rùa Bốn Mắt	*Sacalia quadriocellata*
43	Rùa Đất Spenglơ	*Geoemyda spengleri*
44	Rùa Đầu To	*Platysternon magacephalum*
45	Rùa Hộp Ba Vạch	*Cuora trifasciata*
46	Rùa Hộp Trán Vàng	*Cuora galbinifrons*
47	Rùa Núi Vàng	*Indotestudo elongata*
48	Sóc Bay Trắng Đen	*Hylopetes alboniger*
49	Sóc Bay Trâu	*Petaurista petaurista*
50	Sóc Đen	*Ratufa bicolor*
51	Sơn Dương	*Capricornis sumatraensis*

52	Tắc Kè	*Gekko gecko*
53	Thạch Sùng Mí Hữu Liên	*Goniurosaurus huuliensis*
54	Trèo Cây Lưng Khoang	*S. formosa*
55	Trèo Cây Mỏ Vàng	*S. solangiae*
56	Triết Bụng Vàng	*Mustela kathiah*
57	Triết Chỉ Lưng	*Mustela strigidorsa*
58	Vẹt Đầu Xám	*Psittacula hymalayana*
59	Vẹt Ngực Đỏ	*Psittacula alexandri*
60	Vọoc Má Trắng	*Trachypithecusf.francoisi*
61	Yểng	*Gracula religiosa*
62	Cầy vòi mốc	*Paguma larvata* (Smith, 1827)
63	Cầy vòi đốm	*Paradoxurus hermaphroditus* (Pallas, 1777)
	Thực vật	
1	Bắp ngô ráp	*Acampe rigida* (Buch.-Ham.) Hunt
2	Quế lan hương	*Aerides odoratum* Lour.
3	Giáng xuân hồng	*Aerides rosea* Lodd. ex Lindl. et Paxt.
4	Gội nếp	*Aglaia spectabilis* (Miq.) S.S. Jain & S. Bennet
5	Kim tuyến tơ	*Anoectochilus setaceus* Blume
6	Vệ lan móng	*Appendicula cornuta* Blume
7	Thông mộc	*Aralia chinensis* L.
8	Lá khôi (Lá khôi tía)	*Ardisia silvestris* Pit.
9	Lan trúc trung hoa	*Arundina chinensis* Blume
10	Thổ tế tân	*Asarum caudigerum* Hance
11	Trầu tiên	*Asarum maximum* Hemsl.
12	Song mật	*Calamus nambariensis* Becc.
13	Kiềm lam cỏ	*Calanthe herbacea* Lindl.
14	Trám trắng	*Canarium album* (Lour.) DC.
15	Trám đen	*Canarium pimela* D.K. Koenig
16	Chò đãi	*Carya sinensis* Dode
17	Mạy châu bắc bộ	*Carya tonkinensis* Lecomte
18	Thủ thư vân-nam	*Cheirostylis yunnanensis* Rolfe
19	Lát hoa	*Chukrasia tabularis* A. Juss.*
20	Lông cu li	*Cibotium barometz* (L.) J. Sm
21	Kháo xanh	*Cinnadenia paniculata* (Hook.f.) Kosterm.
22	Mật khẩu mũi	*Cleisostoma rostratum* (Lindl.) Garay
23	Đẳng sâm	*Codonopsis javanica* (Blume) Hook.f. & Thomson
24	Thanh đạm rìa	*Coelogyne fimbriata* Lindl.
25	Thanh đạm	*Coelogyne huettneriana* Rchb.f.
26	Hoàng đàn	*Cupressus tonkinensis* Silba
27	Ráng gỗ nhẵn	*Cyathea gigantea* (Wall.ex Hook.) Holttum
28	Tuế lá rộng	*Cycas balansae* Warb.
29	Đoản kiếm lô hội	*Cymbidium aloifolium* (L.) Sw.
30	Trắc dây	*Dalbergia rimosa* Roxb.
31	Sưa	*Dalbergia tonkinensis* Prain
32	Giả hạc, Phi điệp	*Dendrobium anosmum* Lindl.
33	Hoàng thảo long nhãn	*Dendrobium fimbriatum* Hook.

34	Lan vảy rồng	*Dendrobium lindleyi* Steud.
35	Tiểu thiệt	*Dendrobium linguella* Reichb.f.
36	Hoàng thảo thái bình	*Dendrobium moschatum* (Buch.-Ham.) Sw.
37	Thạch hộc	*Dendrobium nobile* Lindl.
38	Lan chiểu lá rộng	*Dienia ophrydis* (J. Koenig) Seidenf.
39	Mương khao	*Diplodiscus trichospermus* (Merr.) Y. Tang, G.M. Gilbert & Dorr
40	Chò nâu	*Dipterocarpus retusus* Blume
41	Hoàng tinh hoa trắng	*Disporopsis longifolia* Craib
42	Tắc kè đá bông	*Drynaria bonii* H. Chris
43	Cốt toái bổ	*Drynaria roosii* Nakaike
44	Ngũ gia bì gai ba lá	*Eleutherococcus trifoliatus* (L.) S.Y. Hu
45	Luân lan	*Eulophia flava* (Lindl.) Hook.f.
46	Nghiến	*Excentrodendron tonkinense* (Gagnep.) Chang et R. H. Miao
47	Hoàng đàng	*Fibraurea tinctoria* Lour.
48	Lan sóc sách	*Flickingeria fimbriata* (Blume) Hawkes
49	Trai	*Garcinia fragroides* A. Chev.
50	Bổ béo đen	*Goniothalamus vietnamensis* Bân
51	Giảo cổ lam	*Gynostemma pentaphyllum* (Thunb.) Makino
52	Lan kiến cò	*Habenaria reflexa* Blume
53	Mương trắng	*Hainania trichoperma* Merr.
54	Hồi núi	*Illicium griffithii* Hook.f. & Thomson
55	Lan san hô	*Luisia ramosii* Ames
56	Sến mật	*Madhuca pasquieri* (Dubard) H.J. Lam
57	Giổi thơm	*Magnolia odora* (Chun) Figla & Noot.
58	Thiết đinh	*Markhamia stipullata* (Wall.) Seem.
59	Rau sắng	*Melientha suavis* Pierre
60	Thanh thiên quỳ	*Nervilia fordii* (Hance) Schltr.
61	Lan hài đốm	*Paphiopedilum concolor* (Lindl.) Pfitz.
62	Bảy lá một hoa	*Paris polyphylla* var. *chinensis* (Franch.) H. Hara
63	Hạc đính	*Phaius aff takeoi* (Hayata) H.J.Su 1
64	Ô rô suối	*Psiloesthes elonga* Benoist
65	Ba gạc vòng	*Rauvolffia verticillata* (Lour.) Baill
66	Lan phượng vĩ bắc	*Renanthera coccinea* Lour.
67	Hà thủ ô đỏ	*Reynoutria multiflora* (Thunb.) Moldenke
68	Chò chỉ	*Shorea chinensis* (Wang Hsie) H. Zhu
69	Bách bộ nam bộ	*Stemona cochinchinensis* Gagnep.
70	Bách bộ đứng	*Stemona saxorum* Gagnep.
71	Bình vôi hoa đầu	*Stephania cephalantha* Hayata
72	Lõi tiền	*Stephania longa* Lour.
73	Bình vôi tán ngắn	*Stephania sinica* Diels
74	Mã tiền	*Strychnos ignatii* Bergius
75	Thông thảo	*Tetrapanax papyrifer* (Hook.) K. Koch
76	Lan vani trung bộ	*Vanilla annamica* Gagnep.
77	Bạc đầu tù	*Vernonia bonapartei* Gagnep.
78	Củ bình vôi	*Stephania cepharantha* Hayata
79	Thiên tuế	*Cycas balansae* Warb.

80	Trầu tiên, hoa tiên	*Asarum glabrum* Merr.
81	Hoàng tinh cách	*Disporopsis longifolia* Craib.
82	Hoàng đằng	*Fibraurea tinctoria Lour.*
83	Dây Đồng tiền	*Stephania sinica Diels*
84	Hoàng thảo	*Dendrobium nobile Lindl.*
85	Sồi phảng	*Lithocarpus cerebrinus* A. Camus
86	Nấm đất, Dó đất hoa thưa	*Balanophora laxiflora* Hemsl.
87	Tắc kè đá	*Drynaria bonii* Christ
88	Dẻ gai đỏ	*Castanopsis hystrix A. DC.*
89	Lan kim tuyến	*Anoectochilus setaceus*
90	Thông tre	*Podocarpus neriifolius*
91	Nghiến	*Burretiodendron tonkinensis (A.cheV.)Kosterm*
92	Trai Lý	*Garcinia fagraeoides A.Chev.*
93	Đinh	*Markhamia stipulata (Roxb.) sêm*

Phụ lục V
HỒ SƠ MÔI TRƯỜNG ĐÃ PHÊ DUYỆT/CẤP TRONG NĂM
(Kèm theo Báo cáo số: 17 /BC-UBND ngày 10 /01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

STT	Tên Dự án	Lĩnh vực	Địa điểm dựán	Số Quyết định phêduyệt	Tên Cơ quan phêduyệt	Ngày ký	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	**Thủ tục phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường**						
1	Đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Bắc Sơn	Y tế	Các xã Long Đống,Nhất Hoà, Vũ Lễ, Tân Thành, Tân Tri, huyện Bắc Sơn	108/QĐ-UBND	UBND tỉnh Lạng Sơn	17/01/2024	cấp tỉnh
2	Cụm công nghiệp Hồ Sơn 1, huyện Hữu Lũng	Hạ tầng	Xã Cai Kinh và xã Hồ Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	140/QĐ-UBND	UBND tỉnh Lạng Sơn	19/01/2024	cấp tỉnh
3	Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối khu công nghiệp Hữu Lũng, ĐT.245 với QL.31 - Cảng Mỹ An (tỉnh Bắc Giang)	Giao thông	Xã Tân Thành, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	146/QĐ-UBND	UBND tỉnh Lạng Sơn	22/01/2024	cấp tỉnh
4	Tái định cư và dân cư Quốc lộ 4B (Xây dựng hạ tầng khu tái định cư xã Gia Cát, huyện Cao Lộc, thuộc hạng mục giải phóng mặt bằng dự án cải tạo nâng cấp QL4B, đoạn Km3+700 đến Km18)	Công trình dân dụng	Xã Gia Cát, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	503/QĐ-UBND	UBND tỉnh Lạng Sơn	15/3/2024	cấp tỉnh
5	ĐH.46 Còn Quan- Pò Khoang, xã Đình Lập	Giao thông	Xã Tân Thành, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	833/QĐ-UBND	UBND tỉnh Lạng Sơn	07/5/2024	cấp tỉnh
6	Khu tái định cư dự án nâng cấp đoạn Km18-Km80, Quốc lộ 4B	Công trình dân dụng	Xã ĐìnhLập, huyện ĐìnhLập, tỉnh Lạng Sơn	902/QĐ-UBND	UBND tỉnh Lạng Sơn	20/5/2024	cấp tỉnh
7	Đường dây và TBA 110kV Lộc Bình	Điện	Số 22, ngõ 399 Âu Cơ, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ thành phố Hà Nội	1469/QĐ-UBND	UBND tỉnh Lạng Sơn	22/8/2024	cấp tỉnh
8	Cải tạo nhà bếp, nhà ăn và các hạng mục phụ trợ Trường PTDTBT TH Thiện Thuật (điểm trường chính)	Trường học	Xã Thiện Thuật, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	2016/QĐ-UBND	UBND tỉnh Lạng Sơn	19/11/2024	cấp tỉnh
9	Bến xe huyện Đình Lập	Giao thông	Xã Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn	2102/QĐ-UBND	UBND tỉnh Lạng Sơn	27/11/2024	cấp tỉnh
10	Khu liên hợp thể thao tỉnh Lạng Sơn (Hạng mục: Sân vận động trung tâm, Nhà thi đấu đa năng)	Hạ tầng	Xã Mai Pha, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	2173/QĐ-UBND	UBND tỉnh Lạng Sơn	03/12/2024	cấp tỉnh
11	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và nhà xưởng Phúc Khang thuộc Khu phi thuế quan	Hạ tầng	Xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn	2202/QĐ-UBND	UBND tỉnh Lạng Sơn	06/12/2024	cấp tỉnh
II	**Cấp giấy phép môi trường**						
1	Cơ sở Trung tâm Y tế huyện Văn Quan	Y tế	Thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan,	02/GP-UBND	UBND tỉnh Lạng	11/01/2024	cấp tỉnh

STT	Tên Dự án	Lĩnh vực	Địa điểm dựán	Số Quyết định phêduyệt	Tên Cơ quan phêduyệt	Ngày ký	Ghi chú
			tỉnh Lạng Sơn		Sơn		
2	Bệnh viện TNH Lạng Sơn	Y tế	Khối 10, đường Nhị Thanh, phường Tam Thanh, TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	03/GP-UBND	UBND tỉnh Lạng Sơn	11/01/2024	cấp tỉnh
3	Trang trại chăn nuôi lợn Tân Hương	Chăn nuôi lợn	Thôn Nam Hương 1, xã Tân Hương, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn	15/GP-UBND	UBND tỉnh Lạng Sơn	02/5/2024	cấp tỉnh
4	Khu kinh doanh thương mại tổng hợp, kho, bãi tập kết, sang chuyển hàng hóa và các dịch vụ logistics	Kinh doanh, dịch vụ	Khu vực cửa khẩuquốc tế Hữu Nghị, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	16/GP-UBND	UBND tỉnh Lạng Sơn	17/5/2024	cấp tỉnh
5	Dự án Cải tạo, sửa chữa Trung tâm y tế huyện Bình Gia	Y tế	Khối 6B, thị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	32/GP-UBND	UBND tỉnh Lạng Sơn	18/9/2024	cấp tỉnh
6	Trung tâm y tế huyện Tràng Định	Y tế	Khu 2 thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn	37/GP-UBND	UBND tỉnh Lạng Sơn	14/10/2024	cấp tỉnh
7	Cơ sở Đầu tư xây dựng xưởng cơ khí, hoán cải, sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành ô tô và trưng bày sản phẩm	Cơ khí	Lô M4 + M6, Cụm công nghiệp địa phương số 2, xã Hợp Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	41/GP-UBND	UBND tỉnh Lạng Sơn	26/10/2024	cấp tỉnh
8	Trung tâm y tế huyện Văn Lãng	Y tế	Khu 5 thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn	42/GP-UBND	UBND tỉnh Lạng Sơn	28/10/2024	cấp tỉnh
9	Nhà máy luyện và chế biến hạt mài Coridon	Chế biến hạt mài	Thôn Tà Lài, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn	51/GP-UBND	UBND tỉnh Lạng Sơn	17/12/2024	cấp tỉnh
10	Trung tâm y tế huyện Cao Lộc (bao gồm cả phần xây mới, cải tạo, nâng cấp)	Y tế	Khối 6, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	52/GP-UBND	UBND tỉnh Lạng Sơn	30/112/2024	cấp tỉnh
11	Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Hữu Lũng	Y tế	Trong khuôn viên khu đất của các Trạm y tế của các xã Đồng Tiến, Minh Hòa, Hòa Bình, Cai Kinh và Hữu Liên, huyện Hữu Lũng	01/GPMT-UBND	UBND huyện Hữu Lũng	Ngày 05/02/2024	Cấp huyện
12	Dự án Trường PTDTNT THCS và THPT Hữu Lũng	Xây dựng	Trong khuôn viên Trường PTDTNT và THPT huyện Hữu Lũng tại thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng	02/GPMT-UBND	UBND huyện Hữu Lũng	Ngày 06/02/2024	Cấp huyện
13	Dự án Trạm trộn sản xuất bê tông thương phẩm Tân Mộc Phát	Trạm trộn	Thôn Bến Lường, xã Minh Sơn, huyện Hữu Lũng	03/GPMT-UBND	UBND huyện Hữu Lũng	Ngày 20/02/2024	Cấp huyện
14	Dự án Trung tâm đào tạo, sát hạch lái xe mô tô và đào tạo lái xe ô tô Hữu Lũng		Thôn Nhất Hà, xã Hồ Sơn, huyện Hữu Lũng	04/GPMT-UBND	UBND huyện Hữu Lũng	Ngày 05/07/2024	Cấp huyện
15	Dự án cơ sở Phục hồi Thủy điện Cấm Sơn	Trạm thuỷ điện	Thôn Đồng Thủy, xã Hòa Lạc, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	4024/GPMT-UBND	UBND huyện Hữu	Dự án cơ sở Phục hồi Thủy điện Cấm Sơn	Cấp huyện

STT	Tên Dự án	Lĩnh vực	Địa điểm dựán	Số Quyết định phêduyệt	Tên Cơ quan phêduyệt	Ngày ký	Ghi chú
					Lũng		
16	Dự án Xây dựng nhà máy sản xuất các sản phẩm từ Quế, Hồi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	Môi trường	Slọ Nà, thôn Bản Quyền, xã Đề Thám, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn	1525/GP-UBND	Ủy ban nhân dân huyện Tràng Định	17/4/2024	Cấp huyện
17	Dự án đầu tư xây dựng chợ Vũ Lễ	Kinh doanh chợ	Xã Vũ Lễ, huyện Bắc Sơn	Số 44/GP-UBND	UBND huyện Bắc Sơn	25/7/2024	Cấp huyện
18	Cơ sở thu mua phế liệu Hiển Minh	Kinh doanh phế liệu	Xã Chiến Thắng, huyện Bắc Sơn	Số 45/GP-UBND	UBND huyện Bắc Sơn	25/7/2024	Cấp huyện
19	Dự án đầu tư xây dựng "Trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS và THPT huyện Văn Quan	Bảo vệ môi trường	Phố Đức Tâm, thị trấn Văn Quan	Số 19/GPMT-UBND	UBND huyện Văn Quan	19/3/2024	Cấp huyện
20	Dự án "Đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế xã trên địa bàn huyện Văn Quan	Bảo vệ môi trường	Thị trấn Văn Quan, xã Khánh Khê, xã Tràng Các (cũ)	Số 46/GPMT-UBND	UBND huyện Văn Quan	30/6/2024	Cấp huyện
21	Dự án xây dựng nhà máy sản xuất và chế biến vật liệu xây dựng chất lượng cao	Môi trường	Thôn Tà Lài, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng	01/GP-UBND	UBND huyện Văn Lãng	26/01/2024	Cấp huyện
22	Dự án Khu tái định cư phục vụ dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT địa bàn huyện Văn Lãng	Môi trường	Thôn Cốc Nam, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng	2511/GPMT-UBND	UBND huyện Văn Lãng	30/09/2024	Cấp huyện
23	Dự án Trạm trộn bê tông Công ty Thuận An Phát 161	Môi trường	thôn Thanh Hảo, xã Bắc Hùng, huyện Văn Lãng	2799/GPMT-UBND	UBND huyện Văn Lãng	28/10/2024	Cấp huyện
24	"Đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn thành phố Lạng Sơn" tại các xã Hoàng Đồng, xã Quảng Lạc, phường Vĩnh Trại, phường Đông Kinh, phường Chi Lăng, phường Hoàng Văn Thụ, phường Tam Thanh thành phố Lạng Sơn	Xây dựng	Tại các xã Hoàng Đồng, xã Quảng Lạc, phường Vĩnh Trại, Đông Kinh, Chi Lăng, Hoàng Văn Thụ, Tam Thanh thành phố Lạng Sơn.	260/GPMT-UBND	UBND thành phố Lạng Sơn	25/1/2024	Cấp huyện
25	Chợ Chi Lăng, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn	Thương mại	Khối Đinh Tiên Hoàng, phường Chi lăng, thành phố Lạng Sơn	1140/GPMT-UBND	UBND thành phố Lạng Sơn	02/5/2024	Cấp huyện
26	Sửa chữa một số hạng mục trường THPT Hoàng Văn Thụ	Xây dựng	khối 3, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn	1400/ GPMT-UBND	UBND thành phố Lạng Sơn	21/05/2024	Cấp huyện
27	Dự án Đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Lộc Bình	Môi trường	10 xã, thị trấn trên địa bàn huyện	106/GPMT-UBND	UBND huyện Lộc Bình	06/11/2024	Cấp huyện
28	Dự án Đầu tư xây dựng, cải tạo trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Cao Lộc	Đầu tư xây dựng	các xã Thụy Hùng, Hòa Cư, Phú Xá ,huyện Cao Lôc, tỉnh	Giấy phép môi trường số 2573/GP-	UBND huyện Cao Lộc	19/8/2024	Cấp huyện

STT	Tên Dự án	Lĩnh vực	Địa điểm dựán	Số Quyết định phêduyệt	Tên Cơ quan phêduyệt	Ngày ký	Ghi chú
	tại địa phận các xã Thụy Hùng, Hòa Cư, Phú Xá		Lạng Sơn	UBND			
29	Dự án Xưởng gia công chế biến thực phẩm xuất khẩu	chế biến thực phẩm	Xã Yên Trạch, huyện Cao Lôc, tỉnh Lạng Sơn	Giấy phép môi trường số 2801/GP-UBND	UBND huyện Cao Lộc	16/9/2024	Cấp huyện
30	Nhà văn hoá, quảng trường Khu trung tâm văn hoá, thể thao và dân cư huyện Đình Lập	Xây dựng	Thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập	Số 1261/GP-UBND	UBND huyện Đình Lập	20/6/2024	Cấp huyện
31	Hệ thống sản xuất bê tông 90 m3/giờ và bê tông nhựa nóng 120 tấn/giờ	Công nghiệp khác	Xã Châu Sơn, huyện Đình Lập	Số 2704/GP-UBND	UBND huyện Đình Lập	19/11/2024	Cấp huyện
32	Hệ thống sản xuất bê tông 90 m3/giờ và bê tông nhựa nóng 120 tấn/giờ	Công nghiệp khác	Xã Châu Sơn, huyện Đình Lập	Số 2704/GP-UBND	UBND huyện Đình Lập	19/11/2024	Cấp huyện
33	Lắp dựng trạm trộn bê tông nhựa nóng phục vụ thi công gói thầu số 8 dự án nâng cấp đoạn Km18-Km80, Quốc lộ 4B	Công nghiệp khác	Xã Bắc Lãng, huyện Đình Lập	Số 2906/GP-UBND	UBND huyện Đình Lập	11/12/2024	Cấp huyện
III	**Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường**						
1	Xưởng chế biến gỗ Đồng Phú (Cấp điều chỉnh lần 01)	Chế biến gỗ	Thôn Lân Luông, xã Đồng Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	09/GP-UBND	UBND tỉnh Lạng Sơn	16/3/2024	Cấp tỉnh
2	Dự án Trạm cấp phát xăng dầu và kho vật tư tổng hợp (Giai đoạn I) (Cấp điều chỉnh lần 01)		Km0+865 quốc lộ 1A, cửa khẩu Hữu Nghị, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	36/GP-UBND	UBND tỉnh Lạng Sơn	11/10/2024	Cấp tỉnh
3	Xây dựng khu xử lý rác thải công nghệ lò đốt T-Tech CNC 1000, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn	Xử lý rác	Thôn Bình Chương I, xã Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn	49/GP-UBND	UBND tỉnh Lạng Sơn	17/12/2024	Cấp tỉnh
4	Dự án Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS và THPT huyện Tràng Định	Trường học	Thôn Khỏn Cà, thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn	5891/GP-UBND	Ủy ban nhân dân huyện Tràng Định	20/12/2024	Cấp huyện
IV	**Cấp đổi giấy phép môi trường**						
1	Trang trại chăn nuôi lợn Tân Hương		thôn Nam Hương 1, xã Tân Hương, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn	24/GP-UBND	UBND tỉnh Lạng Sơn	10/6/2024	Cấp tỉnh

Phụ lục VI
KẾT QUẢ THANH, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM TRONG NĂM
(Kèm theo Báo cáo số: 17 /BC-UBND ngày 10 /01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Số tiền xử phạt vi phạmhành chính (đồng)	Các vi phạmchính	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Công ty TNHH Mai Lâm	Thôn Hoàng Thanh, Hoàng Đồng, TP Lạng Sơn	7.800.000	Xả nước thải chứa các thông số môi trường thông thường vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn 05m^3/ngày (24 giờ)	
2	Công ty TNHH sản xuất và thương mại H&T	Cụm công nghiệp địa phương số 2, xã Hợp Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	8.400.000	Xả nước thải chứa các thông số môi trường thông thường vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn 05m^3/ngày (24 giờ)	
3	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hùng Vương	Cụm công nghiệp địa phương số 2, xã Hợp Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	6.600.000	Xả nước thải chứa các thông số môi trường thông thường vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải	
4	Xưởng chế biến chân gà hộ kinh doanh Nguyễn Văn Đạt	Nà Soong, Yên Trạch, Cao Lộc	4.000.000	Chưa có thủ tục pháp lý về môi trường	
5	Hợp tác xã chăn nuôi Lùng Khoang	Thôn Bản Dạ, xã Bình Phúc, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn	15.000.000	Xả nước thải chứa các thông số môi trường thông thường vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải	
6	Lăng Văn Lực, Sn 1981	Xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc	3.500.000	Đổ thải chất thải rắn (VLXD) trái quy định ra môi trường tại thôn Khòn Khuyên, xã Mai Pha, TPLS.	
7	Phạm Văn Lâm, Sn 1987	Tức Tranh, Phú Lượng, Thái Nguyên	3.000.000	Vận chuyển đất đá không che chắn tại xã Tân Minh, huyện Tràng Định.	
8	Phạm Duy Hùng, Sn 1982	Minh Thượng, Đồng Hỷ, Thái Nguyên	3.000.000	Vận chuyển đất đá không che chắn tại xã Tân Minh, huyện Tràng Định.	
9	Nông Văn Sung, Sn 1988	Bình Phúc, Văn Quan, Lạng Sơn	3.000.000	Vận chuyển vật liệu không che chắn rơi vãi ra đường trong khi tham gia giao thông tại xã Bình Phúc, huyện Văn Quan.	
10	Trần Văn Hoàn, SN 1986	Số 16, Trần Quang Khải, P Chi Lăng, TP Lạng Sơn	3.500.000	Đổ chất thải rắn trái quy định (đất đá) ra môi trường tại Phường Chi Lăng, TP Lạng Sơn.	
11	Tô Hải Nam, Sn 1979	Phú Xá, Cao Lộc, Lạng Sơn	2.000.000	Đổ chất thải rắn ra môi trường tại Nà Mò, Tân Mỹ, Văn Lãng	
12	Lại Thống Nhất, Sn 1976	P Vĩnh Trại, TP Lạng Sơn	3.500.000	Đổ chất thải rắn (gạch vỡ) ra môi trường không đúng nơi quy định.	
13	Hoàng Quốc Quân, Sn 1984	Thôn Áng Mò, xã Tân Tiến, huyện Tràng Định	1.500.000	Xả thải ra môi trường 01 bao tải rác xuống suối Khuổi Slý, xã Tân Tiến, huyện Tràng Định	
14	Hoàng Văn Hà, Sn 1991	Hoàng Văn Thụ, Văn Lãng	7.500.000	Đổ chất thải (đất đá gạch vụn xây dựng) xuống cạnh đường	
15	Lý Văn Huấn, Sn 1993	Trùng Khánh, Văn Lãng	7.500.000	Đổ chất thải (đất đá gạch vụn xây dựng) xuống cạnh đường	
16	Chu Văn Vinh, Sn 1987	Minh Khai, TT Lộc Bình, Lộc Bình	3.500.000	Đổ chát thải xây dựng không đúng nơi quy định	
17	Nguyễn Văn Trang, Sn 1987	Lâm Sơn, Chi Lăng	3.000.000	Vận chuyển vật liệu không che chắn, để rơi vãi ra môi trường	
18	Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Tân Mộc	Thôn Bến Lường, xã Minh Sơn, huyện Hữu	65.000.000	Không có giấy phép môi trường khi triển khai xây dựng dự án	

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Số tiền xử phạt vi phạmhành chính (đồng)	Các vi phạmchính	Ghi chú
	Phát	Lũng, tỉnh Lạng Sơn			
19	Công ty Cổ phần liên doanh công nghệ gạch không nung Lạng Sơn	Số 143, đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn	45.000.000	Không thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại theo quy định đã vi phạm điểm c khoản 2 Điều 29 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính Phủ Không báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc lưu giữ chất thải nguy hại theo quy định đã vi phạmkhoản 1 Điều 29 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính Phủ	
20	Nguyễn Thị Hải	Số 06, đường Đinh Công Tráng, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn	12.500.000	Có hành vi: Gây tiếng ồn vượt quy chuẩnkỹ thuật về tiếng ồn từ 05dBA đến dưới 10dBA	
21	Nguyễn Thị Hải	Số 06, đường Đinh Công Tráng, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn	Cảnh cáo	Có hành vi: Gây tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn dưới 02dBA	
22	Công ty Cổ phần Vận tải ô tô số 2 Lạng Sơn	Km số 22+460, quốc Lộ 1A, thôn Nà Soong, xã Yên Trạch, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	15.000.000	Vi phạm các quy định về báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định Khoản 1 Điều 43 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ	
	Tổng		**158.800.000**		

Phụ lục VII
Hiện trạng các trạm quan trắc trên địa bàn
(Kèm theo Báo cáo số: 17/BC-UBND ngày 10 /01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

TT	Toàn tỉnh	Tên trạm	Địa chỉ	Loại quan trắc (không khí/nước/phóng xạ/đa dạng sinh học/…)	Số trạm/vị trí quan trắc	
					Quan trắc thủcông	Quan trắc tự động
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Huyện Chi Lăng	Trạm quan trắc tự động không khí xung quanh tại huyện Chi Lăng	Nhà văn hóa thôn Chiến Thắng, thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng	Không khí xung quanh		×
		Trạm quan trắc tự động xi măng Đồng Bành-CL	Công ty CP xi măng Đồng Bành. Đ/c: Khu cây hồng, TT Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn	Khí thải		×
		Trạm quan trắc tự động xi măng Đồng Bành-nt				
		Trạm quan trắc tự động xi măng Đồng Bành-nx				
		Trạm quan trắc tự động xi măng Đồng Bành-okc				
2	Huyện Lộc Bình	Trạm quan trắc tự động Nước thải Nhiệt điện Na Dương	Công ty Nhiệt điện Na Dương. Đ/c: Khối 4, TT Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Nước thải		×
		Trạm quan trắc tự động khí thải Nhiệt điện Na dương 1	Công ty Nhiệt điện Na Dương. Đ/c: Khối 4, TT Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Khí thải		×
		Trạm quan trắc tự động khí thải Nhiệt điện Na dương 2				
3		Trạm quan trắc tự động Hệ thống xử lý nước thải Mỏ than Na dương	Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV. Đ/c: Khối 4, TT Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Nước thải		×
4	Thành phố Lạng Sơn	Trạm quan trắc tự động Hệ thống xử lý nước thải thành phố Lạng Sơn	Công ty CP cấp thoát nước Lạng Sơn. Đ/c: xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn	Nước thải		×
		Trạm quan trắc tự động nước mặt Mai Pha	Cầu Mai Pha –xã Mai Pha –Thành phốLạng Sơ	Nước mặt		×
5	Huyện Hữu Lũng	Trạm quan trắc tự động không khí xung quanh tại huyện Hữu Lũng	Nhà văn hóa thôn Đồng Lai, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng	Không khi xung quanh		×
6	Huyện Văn Lãng	Trạm quan trắc tự động Hệ thống xử lý nước rỉ rác Tân Lang	Công ty TNHH Huy Hoàng Đ/c: xã Bắc Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn	Nước thải		×
7	Huyện Cao Lộc	Trạm quan trắc tự động không khí xung quanh tại huyện Cao Lộc	Trạm y tế xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc	Không khí xung quanh		×

Phụ lục VIII
CÁC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ MÔI TRƯỜNG
TRONG DANH MỤC THỐNG KÊ CỦA LUẬT THỐNG KÊ
(Kèm theo Báo cáo số: 17 /BC-UBND ngày 10 /01/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

STT	Chỉ tiêu	Kết quả	Ghi chú
1	Diện tích rừng hiện có	582.035,39 ha	Rừng tự nhiên 258.079,02 ha; Rừng trồng 323.946,37 ha
2	Tỷ lệ che phủ rừng	634,1 %	
3	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại	Diện tích rừng bị cháy là 01 vụ, thiệt hại 0,58 ha rừng trồng Thông; diện tích bị ảnh hưởng, thiệt hại do cơn bão số 3 và mưa lũ gây ra về lâm nghiệp 23.035,45 ha	
4	Số khu và diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên	03 khu, diện tích 12.832,03 ha.	
5	Diện tích đất bị thoái hoá		Không có số liệu
6	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	99,91%.	
7	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	Khu vực đô thị 99,02%; Khu vực nông thôn 69,94%	
8	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	0	01 KCN Đồng Bành đang hoạt động chưa được đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung, các dự án trong hoạt động trong KCN đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải
9	Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	0	01 CCN địa phương số 2 đang hoạt động chưa được đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung, các dự án trong hoạt động trong KCN đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải
10	Lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người		Không có số liệu
11	Tỷ lệ ngày trong năm có nồng độ bụi PM2,5 và PM10 trong môi trường không khí vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép tại các đô thị từ loại IV trở lên		Không có số liệu